

Bản án số: 1380/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 30 – 8 – 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Ông Hoàng Bá Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thục Đoàn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 829/2022/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Cẩm L, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 61/25 đường số N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 310/61 đường P, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Quốc H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 61/25 đường số N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm L trình bày:*

Bà và ông Trần Quốc H có quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2001 cho đến năm 2005 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký

kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 quyển số 01/2005 ngày 25/01/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và bà hay bị ông H đánh, chồng và gia đình chồng không tôn trọng và có những lời lẽ xúc phạm bà. Bà và ông H đã nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng không thành, do đó bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm dành cho ông H không còn, mục đích của hôn nhân không đạt nên bà xin ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thanh T, sinh ngày 27/11/2005 và Trần Quốc H, sinh ngày 27/12/2010. Bà yêu cầu được nuôi trẻ Trần Quốc H, còn trẻ Trần Thanh T giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, đôi bên không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại tờ tự khai ngày 30/6/2022 và tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2022, ngày 05/8/2022 bị đơn là ông Trần Quốc H trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị Cẩm L có quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau từ đầu năm 2001 cho đến năm 2005 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 quyển số 01/2005 ngày 25/01/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, ông cho rằng đó là mâu thuẫn nhỏ. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà L, bà L yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý, ông xin được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thanh T, sinh ngày 27/11/2005 và Trần Quốc H, sinh ngày 27/12/2010. Trường hợp ly hôn: Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Thanh T, còn giao trẻ Trần Quốc H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đôi bên không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Cẩm L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Gò Vấp phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa hôm nay, thẩm phán, hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: cho bà L ly hôn với ông H. Về con chung: Hai bên thỏa thuận: bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Quốc H, còn ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Thanh T, bà L và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị tòa không xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có nên đề nghị Tòa án không xét. Án phí hôn nhân sơ thẩm thực hiện theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và xét yêu cầu của nguyên đơn được trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn cư ngụ tại Quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2005, ngày 25 tháng 01 năm 2005 do Ủy ban nhân dân Phường M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị Cẩm L và Trần Quốc H đã có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của bà L và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp

Quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định tình cảm dành cho ông H hiện nay không còn vì giữa hai bên có quá nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà hay bị ông H đánh, chồng và gia đình chồng không tôn trọng và có những lời lẽ xúc phạm bà. Hai bên đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Do đó, bà cương quyết xin ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông thừa nhận có 04 lần ông đánh bà L, vợ chồng ông có mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, do đó bà L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột và không còn chung sống với ông nữa. Nay bà L xin ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà L, ông muốn đoàn tụ gia đình nhưng lại không đưa ra được những phương thức hay biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc hay có thể thuyết phục được bà L rút đơn ly hôn để quay trở về đoàn tụ.

Căn cứ vào công văn phúc đáp số 1003/UBND của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/8/2022 cho thấy: “Hiện nay, bà L đã chuyển về nhà cha mẹ đẻ và không còn chung sống với ông H nữa. Trong quá trình chung sống, bà L và ông H có phát sinh mâu thuẫn (liên quan đến mẹ chồng) nhưng không đáng kể. Từ tháng 6 năm 2022, bà L và ông H đã sống ly thân.”

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và từ căn cứ trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà L và ông H là có thật, một trong hai bên đã không tha thiết vun đắp cuộc sống chung là tôn trọng, bình đẳng, hạnh phúc và quan tâm chia sẻ lẫn nhau làm cho hôn nhân giữa họ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tháng 01/2022 bà L bỏ về nhà cha mẹ đẻ để sống ly thân với ông H cho đến nay. Ông H xin đoàn tụ nhưng ông không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Cẩm L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thanh T, sinh ngày 27/11/2005 và Trần Quốc H, sinh ngày 27/12/2010. Trường hợp ly hôn hai bên thỏa thuận như sau: Ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Thanh T, còn giao trẻ Trần Quốc H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đòi bên không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà L và ông H tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 87/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Cẩm L được ly hôn với ông Trần Quốc H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 27/11/2005 cho ông Trần Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng, còn con chung Trần Quốc H, sinh ngày 27/12/2010 cho bà Phạm Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng. Đôi bên không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

4. Về nợ chung: Hai bên tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Cẩm L chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0048520 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Gò Vấp ;
- TAND Tp HCM;
- THADS quận Gò Vấp;
- UBND P.M, Q.G, TpHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

